

Bản án số: 225/2025/DS-PT

Ngày 18 - 11 - 2025

V/v: "Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Anh Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Bà Bùi Thị Đoan Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng". Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B (đã chết ngày 29/3/2025)

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1948, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1976, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1978, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1980, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình A, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T** trình bày:

Bà và ông **Nguyễn Văn B** là hàng xóm với nhau. Gia đình bà đang sử dụng thửa đất số 348, tờ bản đồ số 9, diện tích 868m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/01/2009, nguồn gốc đất do ông cha để lại. Bà được biết gia đình ông **B** đang sử dụng thửa đất số 334, tờ bản đồ số 9, có diện tích 750m² và cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014. Giữa hai thửa đất trên được ngăn cách bởi con đường dân sinh đã có trong bản đồ. Trong quá trình canh tác, ông **B** đã cuộc phá lẩn chiếm con đường dân sinh đó để trồng sắn. Gia đình bà phải gửi đơn đến **UBND xã N** (cũ) đề nghị giải quyết vụ việc. Sự việc đã được UBND xã tiếp nhận, chỉ đạo giải quyết có biên bản cụ thể, xác minh hàng cây cối các loại thuộc bờ rào đất vườn nhà ông bà (**A**, **T**), nằm phía dưới con đường dân sinh, không liên quan gì đến cây cối, lâm lộc, đất của ông **B**. Đến tháng 8/2018, do mưa bão cây cối đổ vào nhà bà nên gia đình bà phải chặt bỏ hàng cây đó. Lợi dụng tình thế gia đình bà chặt cây, ông **B** đã lập mưu, lên kế hoạch dàn dựng những chứng cứ không có thật để vu khống gia đình bà chặt cây xanh, phá hoại cây cối hoa màu, ủi đường làm nhà và công trình phụ lên đường đi, âm mưu hòng chiếm đoạt con đường dân sinh và nhằm biến số cây cối lâm lộc của gia đình bà thành tài sản của ông **B**. Gia đình bà đã làm đơn lên UBND xã và UBND xã đã ra thông báo cụ thể cho hai gia đình giữ nguyên hiện trạng. Như vậy, kế hoạch âm mưu, dàn dựng, vu khống của ông **B** khởi kiện gia đình bà ra tòa nhằm mục đích phá nhà ở, công trình phụ của gia đình bà để lẩn vào đường đi và số cây cối lâm lộc của gia đình bà sẽ biến thành của ông **B** để gia đình bà phải bồi thường tổng giá trị: 62.280.000 đồng cho ông **B** và 72m² đất lẩn chiếm. Hành vi của ông **B** đã gây tổn thất đến tinh thần, sức khỏe, vật chất, danh dự, tai tiếng cho gia đình bà. Suy nghĩ lo sợ bỗng nhiên phải phá nhà và công trình phụ để làm đường đi, lo sợ bị ép phải nộp số tiền mà ông **B** kê là 62.280.000 đồng. Trong thời gian giải quyết tranh chấp theo đơn khởi kiện của ông **B**, bà phải bỏ công việc để đi hầu Tòa, ông **B** đã vu khống gia đình bà không có căn cứ, không đúng sự thật, gây tổn thất đến tinh thần, danh dự, sức khỏe, bà phải thường xuyên đi bệnh viện. Nay bà yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **B** phải bồi thường cho bà những khoản tiền sau: Tiền ông bà phải thường xuyên phải đi viện điều trị: 30.000.000 đồng; tiền tổn thất danh dự: 20.000.000 đồng; tiền ngày công bà phải bỏ công việc để đi hầu tòa: 12.280.000 đồng, tổng số tiền bồi thường là: 62.280.000 đồng.

Bị đơn ông **Nguyễn Văn B** đã chết ngày 29/3/2025, nhưng trong bản tự khai ngày 04/12/2024, ông **B** trình bày: Trong nhiều năm qua cũng như đến nay, ông vẫn đang khởi kiện ông **Nguyễn Đình Á** và bà **Nguyễn Thị T** ở thôn N, xã T (xã N cũ) đã lẩn chiếm đường dân sinh để xây nhà, làm chuồng trâu, hủy hoại tài

sản của ông ước tính trị giá là 62.280.000 đồng. Ông đã khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T phải trả lại đủ 72m² đất đang chiếm giữ và trả lại nguyên trạng thửa đất số 334 và khắc phục những hậu quả trên thửa đất đó và trả lại đường dân sinh thôn xóm và cổng ra vào của gia đình ông. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô (cũ) và bản án dân sự phúc thẩm số: 100/DS-PT ngày 06/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) đã xét xử và buộc vợ chồng bà T phải trả lại cho ông 21,6m² đất/72 m² đang chiếm giữ và trả lại số tiền 1.425.000 đồng cho ông. Do không đồng ý với hai bản án trên nên ông đã có đơn khiếu nại đến Tòa án cấp cao tại Hà Nội (cũ) để được giải quyết. Việc bà T mắc bệnh từ khi còn nhỏ như bệnh tiểu đường, mỡ máu, xơ vữa động mạch... không liên quan gì đến ông, bà T yêu cầu ông phải bồi thường danh dự, sức khỏe tổng số tiền 62.280.000 đồng ông không đồng ý.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông B gồm: bà T1, anh T3, anh H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày.

Chị Nguyễn Thị Thanh vắng M tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai ngày 18/6/2025 chị trình bày: Chị là con gái của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T1, bố mẹ chị sinh được 04 người con gồm: Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Đức H và Nguyễn Thị H1 (đã mất năm 2017). Bố chị đã mất ngày 29/3/2025. Trước đó, bố chị là bị đơn trong vụ án tranh chấp “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Trong quá trình giải quyết vụ án, bố chị bị bệnh nặng đã chết. Vì vậy, mẹ chị và các anh em chị tham gia vụ án với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B. Quan điểm của chị và gia đình chị là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Việc bà T khởi kiện bố chị là không đúng sự thật. Chị và gia đình đã nhận được thông báo của Tòa án, do các anh em trong gia đình bận công việc, mẹ chị đã già yếu nên không thể đến Tòa theo giấy triệu tập. Vì vậy, gia đình chị xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B phải bồi thường số tiền: 62.280.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 7 năm 2025, bà Nguyễn Thị T có

đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ và buộc ông **B** phải bồi thường cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn không có mặt tại phiên tòa nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thị T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của bà **Nguyễn Thị T** làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Tại phiên tòa, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông **Nguyễn Đình A** vắng mặt nhưng ông **A** không kháng cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà **Nguyễn Thị T** đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và buộc ông **B** phải bồi thường, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Nguyên nhân dẫn đến việc bà **Nguyễn Thị T** khởi kiện ông **Nguyễn Văn B** phải bồi thường tổn thất về danh dự, sức khỏe, tinh thần xuất phát từ việc năm 2023, ông **Nguyễn Văn B** có đơn khởi kiện vợ chồng bà **Nguyễn Thị T**, ông **Nguyễn Đình A** về việc yêu cầu vợ chồng bà **T**, ông **A** phải trả lại 72m² đất đã chiếm giữ của ông và phải bồi thường số tiền 62.280.000 đồng vì đã chặt phá một số cây cối do gia đình ông **B** trồng. Ngày 30/6/2023, Tòa án nhân dân huyện Sông Lô (cũ) xét xử sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **B**, buộc bà **T**, ông **A** phải trả lại ông **B** 21,6m² đất lấn chiếm. Ngày 06/11/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm

của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô (cũ). Ngày 03/5/2024, bà **T** có đơn khởi kiện yêu cầu ông **B** bồi thường thiệt hại do sức khỏe, danh dự bị xâm phạm xuất phát từ việc ông **B** khởi kiện vợ chồng bà qua hai bản án nêu trên.

Theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án... tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.*”

Khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “*2. Nguyên đơn trong vụ án dân sự là người khởi kiện... khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của người đó bị xâm phạm*”.

Khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện... để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm*”.

Khi ông **B** thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, bị lấn chiếm đất nên ông khởi kiện vợ chồng bà **T**, ông **A** ra Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đây là việc ông **B** thực hiện quyền được pháp luật quy định. Việc khởi kiện của ông **B** cũng đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật theo đó Tòa án đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **B**, như vậy việc ông **B** khởi kiện là có căn cứ. Quá trình giải quyết mâu thuẫn, hai bên có lời qua, tiếng lại với nhau nhưng ông **B** không có hành vi gì gây thương tích đến sức khỏe của vợ chồng bà **T**, ông **B** cũng không chửi bới hay xúc phạm gì đến danh dự nhân phẩm của vợ chồng bà **T**. Việc ông **B** khởi kiện bà **T**, ông **A**, phải đến Tòa án làm việc là thực hiện quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chính mình. Do đó, việc bà **T** cho rằng bà bị ảnh hưởng đến danh dự và mất ngày công lao động khi phải đến Tòa án làm việc về nội dung khởi kiện của ông **B** là không có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **T** là phù hợp với quy định của pháp luật. Từ đó không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm.

[2.2]. Bà **T** yêu cầu ông **B** phải bồi thường cho bà khoản tiền vợ chồng bà phải thường xuyên đi viện điều trị là 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Toàn bộ hóa đơn thuốc điều trị, giấy ra viện bà xuất trình cho Tòa án là những hóa đơn do Bảo hiểm y tế chi trả và những mô tả bệnh trong các hóa đơn thuốc cũng như giấy ra viện không liên quan gì đến thương tích hay nguyên nhân gì do ông **B** gây ra. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà **T** cũng không cung cấp được tài liệu gì chứng minh việc ông **B** có gây thương tích cho bà **T** dẫn đến việc bà phải điều trị tại bệnh viện như các hóa đơn viện phí mà bà xuất trình. Như vậy, yêu cầu của bà **T** là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **T** là phù hợp nên không có căn

cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 11 - Phú Thọ;
- TAND khu vực 11 - Phú Thọ;
- Phòng THA DS khu vực 11 - Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Anh Cường